

Bản án số: 395/2025/HS-PT

Ngày: 05-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Cảnh

Các thẩm phán: Ông Trương Thành Trung

Ông Hoàng Văn Thành

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Thơm -

Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 222/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim O do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 356/2024/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

NGUYỄN THỊ KIM O, sinh ngày 02/02/1990 tại Hà Nội; ĐKKHKT: Cụm F, xã T, huyện Đ, TP Hà Nội; nơi cư trú: Phòng B, Chung cư T, xã K, huyện H, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Q và bà Đỗ Thị D; có chồng Nguyễn Tài T và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Bản án số 38/2019/HS-ST ngày 29/5/2019 TAND huyện Đan

Phượng, TP Hà Nội xử phạt 27 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng kể từ ngày tuyên án; tiền sự: Không. Bị cáo hiện tại ngoại vắng mặt.

Ngoài ra còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim O qua các quan hệ xã hội, có quen biết với Vũ Thị Trà P (Sinh năm: 1988; HKTT: Số B N, phường H, quận T, Hà Nội). Khoảng tháng 7/2022, P có nói với O thành lập doanh nghiệp với mục đích bán trái phép hóa đơn cho khách hàng có nhu cầu để hưởng lợi (thực tế không có việc mua bán hàng hoá thật giữa Công ty xuất hóa đơn và đơn vị mua hóa đơn), O đồng ý. Khi thỏa thuận thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn P2 (Tên viết tắt là: Công ty P2), P thống nhất với O về việc O đảm nhận đại diện theo pháp luật của Công ty P2 nên P phụ trách mua hóa đơn GTGT phát sinh chi phí đầu vào cho Công ty. Đối với hóa đơn GTGT do O và P bán trái phép trực tiếp, O và P thống nhất bỏ một phần hưởng lợi để P mua trái phép hóa đơn GTGT đầu vào và thực hiện kê khai thuế của Công ty. Sau đó, O thuê chị Vũ Lệ T1 (Sinh năm: 1993; HKTT: Phường X, quận B, Hà Nội) tư vấn và làm thủ tục đăng ký, thành lập doanh nghiệp Công ty TNHH P2 với chi phí là 1.500.000 đồng, đăng ký lần đầu ngày 22/7/2022, mã số thuế: 0110070088, địa chỉ trụ sở chính: Số G ngõ E đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; Thành viên sáng lập và Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thị Kim O, chức vụ: Giám đốc Công ty. Sau khi thành lập và đăng ký mẫu dấu, O đã chuyển toàn bộ hồ sơ pháp lý, con dấu của Công ty cho Vũ Thị Trà P quản lý. Nguyễn Thị Kim O và Vũ Thị Trà P đều cùng sử dụng tài khoản xuất hóa đơn điện tử của Công ty P2 qua đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn là Công ty cổ phần Đ. Trong thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 01/2023, O đã giao tài khoản xuất hóa đơn cho P để P tiến hành xuất hóa đơn cho khách mua. Khi khách có nhu cầu mua

hóa đơn sẽ gửi thông tin (tên Công ty, mã số thuế, địa chỉ,...) cho O rồi O gửi lại thông tin cho P để P xuất hóa đơn và gửi cho O qua mạng xã hội Viber. Sau đó, O gửi cho khách hàng qua tài khoản Gmail. Toàn bộ hóa đơn mua bán trái phép đều là hóa đơn không, có ghi nội dung nhưng không có việc mua bán hàng hóa thật giữa đơn vị mua hóa đơn với Công ty P2. Hóa đơn O bán cho khách hàng với giá tương ứng với 5%-6% tổng giá trị hóa đơn trước thuế. Số tiền bán hóa đơn O sẽ đưa cho P 2%-4% để P đi mua hóa đơn GTGT đầu vào và làm thủ tục kê khai thuế của Công ty P2, O hưởng lợi 2% giá trị hóa đơn trước thuế.

Tổng cộng từ tháng 7/2022 đến tháng 01/2023 O và P đã xuất bán trái phép 388 hóa đơn GTGT đã ghi nội dung (không có việc mua bán hàng hóa thật) với tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn là 17.946.353.741 đồng, trong đó O trực tiếp bán cho Nguyễn Tường L 39 hóa đơn GTGT với tổng giá trị là 386.488.402 đồng, bán cho Hoàng Thị H 15 hóa đơn GTGT với tổng giá trị là 228.762.540 đồng và bán cho một số tổ chức, cá nhân khác, cụ thể như sau:

Đối với Nguyễn Tường L: Đầu năm 2023, Nguyễn Tường L quen biết với Nguyễn Thị Kim O, O giới thiệu là kế toán của Công ty có thể xuất được hóa đơn cung cấp dịch vụ ăn uống không với giá trị 5% tổng giá trị hóa đơn trước thuế. L sau đó sử dụng số điện thoại 0903.232.545 và tài khoản Zalo đăng ký số điện thoại 0903.232.545 tên “Bolero” liên hệ với O để mua bán trái phép hóa đơn. Khi khách có nhu cầu lấy hóa đơn GTGT, L gửi thông tin cần viết vào hóa đơn cho O, sau đó, O nhận thông tin và xuất hóa đơn theo yêu cầu của L. Hóa đơn điện tử được gửi đến tài khoản tuonglonglong80@gmail.com và nguyen0276@yahoo.com của L. L thanh toán tiền mua bán trái phép hóa đơn cho O từ tài khoản số 9790119768888 tại Ngân hàng TMCP Q2 đến tài khoản số 11024996550018 tại Ngân hàng T17 và tài khoản số 0966445539 tại Ngân hàng T18 của Nguyễn Thị Kim O. O đã bán trái phép cho Nguyễn Tường L 39 hóa đơn GTGT tương ứng 18 đơn vị sử dụng hóa đơn (có danh sách kèm theo) đều ghi nội dung cung cấp dịch vụ ăn uống với tổng giá trị hàng hóa (không bao gồm VAT) là

347.839.562 đồng, thuế VAT là 38.648.840 đồng. L mua của O với giá 5% giá trị hóa đơn (không bao gồm VAT) và bán lại cho khách với 6,5% giá trị hóa đơn (không bao gồm VAT), L hưởng lợi 1,5% giá trị hóa đơn.

Đối với 18 doanh nghiệp, tổ chức đã sử dụng hóa đơn GTGT của Công ty P2 phát hành có liên quan theo danh sách trên, Cơ quan điều tra đã điều tra, làm rõ được một số doanh nghiệp, tổ chức như sau:

- **Tập đoàn X (MST:0100107370; Địa chỉ: Số A phố K, phường K, quận D, Hà Nội):** Sử dụng 01 hóa đơn trị giá 9.000.200 đồng. Tiến hành làm việc với anh Nguyễn Bá T2 (kế toán trưởng), là Người đại diện theo ủy quyền xác định: Tập đoàn không sử dụng hóa đơn GTGT của Công ty P2 để hạch toán và khấu trừ thuế GTGT;

- **Công ty cổ phần V3 (MST: 0102306413; Địa chỉ: D, xã Y, huyện G, Hà Nội):** Sử dụng 01 hóa đơn GTGT, trị giá là 9.620.600 đồng. Tiến hành làm việc với anh Nguyễn Hữu T3, là Người đại diện theo ủy quyền xác định: Trong quá trình hoạt động, nhân viên kinh doanh có sử dụng dịch vụ ăn uống sau đó mang hóa đơn về làm thủ tục thanh toán. Sau khi biết các hóa đơn không hợp pháp Công ty đã làm thủ tục xuất toán loại khỏi chi phí theo quy định;

- **Tổng Công ty B1 (MST: 0101527385; Địa chỉ: Số G L, phường P, quận H, Hà Nội):** Sử dụng 02 hóa đơn GTGT, tổng trị giá là 12.433.300 đồng. Tiến hành làm việc với chị Nguyễn Thị Phong T4 và chị Lưu Thị Phương A, là Người đại diện theo ủy quyền xác định: Trong quá trình hoạt động chị T4 và chị Phương A có sử dụng dịch vụ ăn uống sau đó mang hóa đơn về làm thủ tục thanh toán. Sau khi biết các hóa đơn không hợp pháp Công ty đã làm thủ tục xuất toán loại khỏi chi phí theo quy định;

- **Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Q:** Sử dụng 01 hóa đơn GTGT, trị giá là 8.200.000 đồng. Tiến hành làm việc chị Nguyễn Thị Hồng Á (Phó phòng Kế toán - Ngân quỹ) xác định: Trong quá trình hoạt động nhân viên Ngân hàng có sử dụng dịch vụ ăn uống sau đó mang hóa đơn về làm thủ tục thanh toán. Vì chi nhánh Ngân hàng hoạt động không vì mục đích lợi nhuận được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán, được

miễn thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước nên không sử dụng hóa đơn GTGT để kê khai thuế;

- **Ngân hàng TMCP T19 (MST: 0102744865; Địa chỉ: E L, phường T, quận H, Hà Nội):** Sử dụng 12 hóa đơn GTGT, tổng giá trị là 161.115.000 đồng. Tiến hành làm việc với chị Nguyễn Thị Cúc P1 (Trưởng phòng tổ tụng và An ninh nội bộ), là Người đại diện theo ủy quyền xác định: Trong quá trình hoạt động, một số nhân viên của Ngân hàng có sử dụng dịch vụ ăn uống tại nhà hàng (không xác định) để tiếp khách sau đó mang hóa đơn về làm thủ tục thanh toán. Sau khi kiểm tra trên trang thông tin điện tử của Cơ quan thuế thấy Công ty P2 vẫn hoạt động bình thường nên Ngân hàng đã làm thủ tục thanh toán cho nhân viên và sử dụng các hóa đơn này để kê khai thuế;

- **Công ty TNHH một thành viên X1 (MST: 0102744865; Địa chỉ: Số E L, phường T, quận H, Hà Nội):** Sử dụng 01 hóa đơn GTGT, giá trị 8.446.000 đồng. Tiến hành làm việc với chị Hoàng Thị Bích T5 (nhân viên Công ty) là Người đại diện theo ủy quyền xác định: Trong quá trình hoạt động, nhân viên Công ty có sử dụng dịch vụ ăn uống sau đó mang hóa đơn về làm thủ tục thanh toán;

- **Ngân hàng E, chi nhánh H10 (MST: 0102744865; Địa chỉ: Số E L, phường T, quận H, Hà Nội):** Sử dụng 12 hóa đơn GTGT, tổng giá trị là 238.117.000 đồng. Tiến hành làm việc, anh Tạ Quang A1 (Phó giám đốc chi nhánh) xác định: Khoảng 4 tháng đầu năm 2023, Ngân hàng có tổ chức hội nghị thúc đẩy hoạt động kinh doanh các tháng trong quý I/2023, Ngân hàng có gọi đồ ăn về để tổ chức ăn uống tại nhà ăn của Ngân hàng. Khi sử dụng dịch vụ, anh Nguyễn Quang H1 (Nhân viên phòng Hành chính) là đầu mối triển khai hội nghị có hỏi đơn vị cung cấp đồ ăn (H1 không nhớ đơn vị nào) có thể xuất được hóa đơn. Sau khi sử dụng dịch vụ, Ngân hàng đã thanh toán đủ số tiền theo hóa đơn bằng tiền mặt và đề nghị đơn vị cung cấp dịch vụ đó xuất hóa đơn GTGT. Ngân hàng đã cung cấp thông tin Ngân hàng, MST, địa chỉ của Ngân hàng, sau khoảng 10 ngày đơn vị đó xuất hóa đơn bản giấy mang đến cho Ngân hàng. Sau khi nhận hồ sơ do H1

đề nghị thanh toán, Ngân hàng có kiểm tra trên hệ thống hóa đơn điện tử từ T20 thì hóa đơn do đơn vị cung cấp có thông tin trùng khớp, đã được cấp mã hóa đơn nên Ngân hàng mới sử dụng và thực hiện thanh toán đối với các hóa đơn này. Sau khi biết các hóa đơn không hợp pháp Ngân hàng đã làm thủ tục xuất toán loại khỏi chi phí theo quy định.

- **Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ - Cục T21 (MST: 0102744865; Địa chỉ: E L, phường T, quận H, Hà Nội):** Sử dụng 1 hóa đơn GTGT, giá trị là 4.752.000 đồng. Tiến hành làm việc với anh Mạc Văn H2 xác định: Quá trình hoạt động, khoảng tháng 2/2023, Trung tâm tổ chức liên hoan nên đã sử dụng dịch vụ ăn uống tại 1 Nhà hàng (không xác định địa chỉ). Trung tâm yêu cầu Nhà hàng cung cấp hóa đơn thanh toán. Sau khi sử dụng dịch vụ ăn uống, nhân viên Trung tâm thanh toán bằng tiền mặt và để lại thông tin của Trung tâm. Sau đó được Nhà hàng xuất hóa đơn điện tử và sử dụng để Trung tâm thanh toán;

- **Công ty cổ phần T22 (MST: 0100106169; Địa chỉ: Số D phố T, phường T, quận Đ, Hà Nội):** Tiến hành làm việc với chị Vũ Thị Huệ A2 (Nhân viên văn phòng) là Người đại diện theo ủy quyền xác định: Qua rà soát, Công ty sử dụng 01 hóa đơn GTGT số 71 ngày 15/2/2023 trị giá 8.915.500 đồng do Công ty P2 xuất hóa đơn;

- **Công ty cổ phần Đ1 (MST: 0110070088; Địa chỉ: Số G ngõ E L, phường M, quận N, Hà Nội):** Sử dụng 08 hóa đơn GTGT, tổng giá trị là 71.958.600 đồng. Tiến hành làm việc với anh Vũ Trọng H3 (Tổng giám đốc Công ty) xác định: Quá trình hoạt động, các nhân viên của Công ty mua đồ ăn trên mạng (không xác định địa chỉ) về nhà ăn của Công ty để tiếp khách và liên hoan, thanh toán bằng tiền mặt và sau đó 1- 2 ngày, đơn vị bán hóa đơn chuyển hóa đơn để làm thủ tục thanh toán tại Công ty. Sau khi kiểm tra trên trang thông tin điện tử của Cơ quan thuế thấy Công ty P2 vẫn hoạt động bình thường nên Công ty đã làm thủ tục thanh toán cho nhân viên và sử dụng các hóa đơn này để kê khai thuế. Sau khi biết các hóa đơn không hợp pháp Công ty đã làm thủ tục xuất toán loại khỏi chi phí theo quy định;

- **Công ty cổ phần G (MST: 0101849008; Địa chỉ: Tầng B, Làng V, KĐT mới M, phường M, quận H, Hà Nội):** Sử dụng 03 hóa đơn GTGT, tổng giá trị là 10.755.800 đồng. Tiến hành làm việc với chị Nguyễn Thị L1 (Kế toán Công ty), là Người đại diện theo ủy quyền của Công ty xác định: Trong quá trình hoạt động, nhân viên Công ty phải tiếp khách nên có sử dụng dịch vụ ăn uống tại Nhà hàng (không xác định địa điểm). Sau đó, nhân viên của Công ty mang hóa đơn về làm thủ tục thanh toán. Công ty đã sử dụng hóa đơn này để kê khai thuế. Sau khi biết các hóa đơn không hợp pháp Công ty đã làm thủ tục xuất toán loại khỏi chi phí theo quy định;

- **Công ty TNHH D5 (MST: 0109142235; Địa chỉ: P tầng A tòa nhà L, số D G, phường G, quận B, Hà Nội):** Sử dụng 02 hóa đơn GTGT, tổng giá trị là 10.631.500 đồng. Tiến hành làm việc với chị Ngô Thị Thu H4 (Giám đốc Công ty), xác định: Trong quá trình hoạt động, Công ty có sử dụng dịch vụ ăn uống tại Nhà hàng (không xác định địa điểm). Sau đó, nhân viên của Công ty mang hóa đơn về làm thủ tục thanh toán. Công ty đã sử dụng hóa đơn này để kê khai thuế. Sau khi biết các hóa đơn không hợp pháp Công ty đã làm thủ tục xuất toán loại khỏi chi phí theo quy định. Đối với hóa đơn GTGT đã loại bỏ khỏi chi phí, Công ty chỉ lưu giữ hóa đơn nên không xác định được nhân viên nào đã đề nghị thanh toán;

- **Ngân hàng N2, chi nhánh Đ2 (MST: 0100686174-044; Địa chỉ: Khố A thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội):** Sử dụng 04 hóa đơn GTGT, tổng giá trị là 27.621.000 đồng. Tiến hành làm việc với anh Hoàng Anh T6 (Trưởng phòng kế toán Công ty), là Người đại diện theo ủy quyền của Công ty xác định: Trong quá trình hoạt động, anh Đoàn Văn T7 khi tiếp khách có sử dụng dịch vụ ăn uống tại Nhà hàng (không xác định địa điểm). Anh T7 thanh toán bằng tiền mặt và cung cấp thông tin Ngân hàng sau đó Nhà hàng cung cấp hóa đơn bản giấy cho anh T7 mang về làm thủ tục thanh toán. Sau khi biết các hóa đơn không hợp pháp Công ty đã làm thủ tục xuất toán loại khỏi chi phí theo quy định;

- **Công ty cổ phần C (MST: 0103651797; Địa chỉ: số A N, phường Y, quận T, Hà Nội):** Sử dụng 02 hóa đơn GTGT, tổng giá trị là 9.931.900 đồng. Tiến hành làm việc với chị Nguyễn Thị Thu H5 (Kế toán trưởng Công ty), là Người đại diện theo ủy quyền của Công ty xác định: Trong quá trình hoạt động, Công ty có sử dụng dịch vụ ăn uống tại Nhà hàng (không xác định địa điểm). Sau đó, nhân viên của Công ty mang hóa đơn về làm thủ tục thanh toán. Công ty đã sử dụng hóa đơn này để kê khai thuế. Sau khi biết các hóa đơn không hợp pháp Công ty đã làm thủ tục xuất toán loại khỏi chi phí theo quy định. Đối với hóa đơn GTGT đã loại bỏ khỏi chi phí, Công ty chỉ lưu giữ hóa đơn nên không xác định được nhân viên nào đã đề nghị thanh toán;

- **Tổng Công ty B1 (MST: 0100512273; Địa chỉ: K+500, Đại lộ T, phường Đ, quận N, Hà Nội):** Sử dụng 02 hóa đơn GTGT, tổng giá trị hóa đơn là 31.941.800 đồng. Tiến hành làm việc với chị Nguyễn Thị Hoài T8 là Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công tB1 xác định: Trong quá trình hoạt động, các nhân viên sử dụng các dịch vụ ăn uống tại Nhà hàng (không xác định) để tiếp khách, thanh toán bằng tiền mặt. Sau đó, Nhà hàng xuất hóa đơn bản giấy cho nhân viên để sử dụng đề nghị thanh toán với Công ty.

Tổng số hóa đơn L mua và bán trái phép cho các tổ chức, cá nhân trên là 39 hóa đơn GTGT với tổng giá trị (bao gồm VAT) là 386.488.402 đồng. L được hưởng 1,5% giá trị hóa đơn (không bao gồm VAT). Số tiền thu lời bất chính của L là: $386.488.402 \times 90\% \times 1,5\% \approx 5.218.000$ đồng.

Đối với Hoàng Thị H: Tháng 6/2018, Hoàng Thị H thành lập Công ty TNHH T23 (Tên viết tắt là: Công ty T23) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200889314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Y cấp lần đầu ngày 05/6/2018; Địa chỉ trụ sở chính: Tầng B, số nhà A đường Đ, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh: Thi công xây dựng, thiết kế giám sát. Công ty gồm các thành viên góp vốn là Hoàng Thị H và chị Triệu Thu T9 (Sinh năm: 1968; HKTT: Tổ A phường Đ, thành phố Y, Yên Bái), trong đó chị T9 đứng tên thành viên góp vốn trên

Giấy chứng nhận nhưng chị T9 không tham gia vào hoạt động Công ty. Quá trình hoạt động, Hoàng Thị H do có nhu cầu mua hóa đơn để hợp thức chứng từ đầu vào cho Công ty T23 nên H đã sử dụng số điện thoại 0913176838 liên hệ với O qua 02 số điện thoại 0968031417 và 0966445539 để mua hóa đơn GTGT. Sau khi thống nhất giá trị mua bán hóa đơn, H chuyển khoản 5% giá trị hóa đơn (không gồm VAT) từ số tài khoản 37110001117156 tại Ngân hàng B2 đến số tài khoản 1636101990 tại Ngân hàng T17 của O hoặc nộp tiền mặt tại Ngân hàng đến số tài khoản trên của O. Sau khi chuyển tiền, O xuất hóa đơn và gửi cho H từ hệ thống hóa đơn điện tử đến Email hoanghanglcyb@gmail.com của H.

Nguyễn Thị Kim O đã bán trái phép cho Hoàng Thị H 14 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa (bao gồm VAT) là 210.942.540 đồng (có danh sách kèm theo). Hoàng Thị H đã in hóa đơn điện tử và kê khai vào hoạt động của Công ty (Hàng hóa dịch vụ theo 14 hóa đơn này là hàng hóa không). Hiện nay, Công ty T23 đã xuất toán loại bỏ các hóa đơn ra khỏi chi phí của Công ty.

Quá trình điều tra, Hoàng Thị H khai về việc làm kế toán cho Công ty TNHH T24 636 và Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh đá Granit Dương B và đã tham gia mua hóa đơn, như sau:

- **Đối với Công ty TNHH T24 636:** Tháng 4/2022, H vào làm kế toán cho Công ty TNHH T24 (Mã số thuế: 5200930668; Địa chỉ: Số F đường Đ, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái) Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Nhật L2 (Sinh năm: 1990; HKTT: Phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là Giám đốc). Quá trình hoạt động, L2 mua hàng hóa tại một số cửa hàng ở thành phố Y, tuy nhiên không yêu cầu và lấy hóa đơn. Sau đó, L2 bảo H hạch toán khoản chi phí hàng hóa đó thì H bảo phải có hóa đơn GTGT mới hạch toán được nên L2 đã tự lên mạng tìm mua hóa đơn GTGT không của Nguyễn Thị Kim O, thỏa thuận ngoài việc phải trả tiền VAT 8-10% thì L2 phải trả cho O thêm 5% giá trị hóa đơn (không bao gồm VAT), O gửi hóa đơn GTGT điện tử qua G1.linh@gmail.com của L2 theo các thông tin L2 gửi. Tổng cộng L2 đã mua 4 hóa đơn GTGT với tổng

giá trị (bao gồm VAT) là 37.786.680 đồng và chỉ đạo H sử dụng 4 hóa đơn trên để kê khai thuế với Chi cục thuế thành phố Y. Đến nay, Công ty T24 đã kê khai điều chỉnh và nộp thuế bổ sung. Sau khi làm kế toán cho Công ty T24, H có số điện thoại của O nên đã liên hệ với O để mua hóa đơn cho Công ty T23 như trên.

- Đối với Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh đá Granit Dương B: Thời điểm tháng 11/2022, Hoàng Thị H còn làm kế toán cho Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh đá Granit Dương B (Mã số thuế: 0110070088; Địa chỉ: số G ngõ E L, M, N, Hà Nội, Người đại diện theo pháp luật là anh Lê Văn D1 làm Giám đốc). Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh Lê Văn D1 xác định: Doanh nghiệp có sử dụng 01 hóa đơn trị giá (bao gồm VAT) 17.820.000 đồng do Công ty P2 phát hành. Trong quá trình hoạt động, anh D1 đã giao cho Hoàng Thị H mua công cụ, dụng cụ phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Sau đó, H đi mua vật tư gồm giấy và bút tại một Cửa hàng ở thành phố Y (không xác định) nhưng Cửa hàng không xuất được hóa đơn GTGT nên H đã liên hệ với O để mua hóa đơn GTGT không làm căn cứ để hạch toán chi phí cho doanh nghiệp với giá tương ứng chuyển khoản 5% giá trị hóa đơn (không gồm VAT). Anh D1 khai không biết và không chỉ đạo H mua trái phép hóa đơn để hợp thức chi phí. Doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn trên để kê khai thuế với Chi cục thuế thành phố Y. Sau khi biết hóa đơn trên không hợp pháp, doanh nghiệp đã làm thủ tục xuất toán toàn bộ số hóa đơn trên.

Đối với Nguyễn Thị Kim O, ngoài hành vi bán trái phép hóa đơn cho Nguyễn Tường L, Hoàng Thị H, Nguyễn Nhật L2 như trên, Cơ quan điều tra xác định O còn bán 04 hóa đơn cho người sử dụng tài khoản Gmail uthuong1991@gmail.com với tổng giá trị hóa đơn (bao gồm VAT) là 23.004.000 đồng, 01 hóa đơn GTGT cho người sử dụng tài khoản Gmail Dinhthuhuong@gmail.com với giá trị hóa đơn (bao gồm VAT) là 17.798.632 đồng. Tiến hành xác minh, xác định như sau:

- Công ty cổ phần M1 (MST: 0110070088; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, Hà Nội): Sử dụng 04 hóa đơn GTGT, tổng giá trị là 23.004.000

đồng. Tiến hành làm việc với ông Bùi Văn Q1 (Giám đốc Công ty) xác định: Trong quá trình hoạt động, Công ty có sử dụng dịch vụ ăn uống tại Nhà hàng T25 (Địa chỉ: Khu C chung, T, xã T, huyện Đ, Hà Nội). Khi thanh toán, Lưu Thị Út H6 là nhân viên văn phòng của Công ty yêu cầu Nhà hàng xuất hóa đơn GTGT. Tuy nhiên, do Nhà hàng không xuất hóa đơn GTGT nên Nhà hàng nói với H6 sẽ liên hệ với đơn vị bán nên H6 thanh toán tiền ăn và để lại Email uthuong 1991@gmail.com, số điện thoại 0975480803 của Hương. Sau đó, Nguyễn Thị Kim O đã sử dụng số điện thoại 0966445539 liên hệ với H6 rồi gửi 04 hóa đơn GTGT từ hệ thống hoaddon-Noreply@easyinvoice.vn đến địa chỉ M nêu trên của H6. Hương sau đó đã thanh toán 8% giá trị hóa đơn cho O bằng hình thức chuyển khoản 929.000 đồng từ tài khoản số 688288288 và số 8330117594008 tại Ngân hàng M2 đến tài khoản số 5055556666 tại Ngân hàng A4, 16361019990 tại Ngân hàng T17 của O và 01 lần không xác định H6 chuyển tiền bằng hình thức nào. Sau khi lấy được hóa đơn GTGT, H6 mang về Công ty để làm đề nghị thanh toán. Việc H6 liên hệ với O để mua 04 hóa đơn trên, Công ty M1 không được biết và không có sự chỉ đạo gì. Sau khi kiểm tra trên trang thông tin điện tử của Cơ quan thuế thấy Công ty P2 vẫn hoạt động bình thường nên Công ty M1 đã làm thủ tục thanh toán cho nhân viên và sử dụng các hóa đơn này để kê khai thuế;

Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Tuấn T10 (Chủ hộ nhà hàng T25) khai không quen biết với Nguyễn Thị Kim O, Lưu Thị Út H6, Nhà hàng không bán 4 hóa đơn nêu trên cho chị H6.

Nguyễn Thị Kim O khai O được hưởng lợi 2% giá trị hóa đơn mua bán (không bao gồm VAT), số % giá trị hóa đơn còn lại O chuyển cho Vũ Thị Trà P để mua hóa đơn đầu vào, tổng số 39 hóa đơn GTGT O đã bán cho Nguyễn Tường L với tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn (bao gồm VAT) là 386.488.402 đồng; 14 hóa đơn GTGT bán cho Hoàng Thị H với tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn (bao gồm VAT) là 210.942.540 đồng; 01 hóa đơn GTGT bán cho Hoàng Thị H với giá trị hóa đơn (bao gồm VAT) là 17.820.000 đồng; 04 hóa đơn GTGT bán cho Nguyễn Nhật

L2 với tổng giá trị hóa đơn là 37.786.680 đồng; 04 hóa đơn GTGT bán cho Lưu Thị Út H6 với tổng giá trị hóa đơn (bao gồm VAT) là 23.004.000 đồng; 01 hóa đơn GTGT bán cho người sử dụng tài khoản Gmail Dinhthuhuong@gmail.com với giá trị hóa đơn (bao gồm VAT) là 17.798.632 đồng. Như vậy, số tiền thu lời bất chính của O là $(386.488.402 + 23.004.000 + 210.942.540 + 17.820.000 + 37.786.680 + 17.798.632) \times 90\% \times 2\% \approx 12.490.000$ đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng);

Nguyễn Tường L khai mua và bán lại hóa đơn, L được hưởng lợi 1,5%/giá trị hóa đơn (không bao gồm VAT), tổng số 39 hóa đơn GTGT mua của Nguyễn Thị Kim O với tổng giá trị hóa đơn (bao gồm VAT) là 386.488.402 đồng. Như vậy, số tiền L thu lời bất chính là: $386.488.402 \times 90\% \times 1,5\% \approx 5.218.000$ đồng (Bằng chữ: Năm triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng);

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Kim O đã tự nguyện giao nộp 7.777.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tiền thu lời bất chính. Ngày 11/6/2024, Nguyễn Tường L đã tự nguyện giao nộp 5.218.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng) tiền thu lời bất chính.

Vật chứng tạm giữ:

- Nguyễn Tường L: 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng, gắn 01 sim và số tiền 5.218.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng);

- Hoàng Thị H: 01 chiếc điện thoại di động OPPO Reno 4 màu đen;

- Nguyễn Thị Kim O: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro Max màu vàng gắn 01 sim và số tiền 7.777.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Đối với các hóa đơn còn lại do Công ty P2 xuất bán, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh các tổ chức, cá nhân khác, cụ thể như sau:

- **Công ty TNHH P3 (MST: 0601134897; Địa chỉ: Xã Y, huyện Ý, Nam Định):** Sử dụng 19 số hóa đơn GTGT, tổng giá trị là 312.902.350

đồng. Tiến hành làm việc với anh Nguyễn Văn L3 (Giám đốc Công ty) xác định: Anh L3 mua hàng vật tư công nghiệp trên mạng xã hội (không xác định địa chỉ) bao gồm: Ống hơi, mối hàn, văn phòng phẩm... và yêu cầu người bán xuất hóa đơn. Sau đó, Công ty nhận được hóa đơn từ xe ôm (hiện anh L3 không lưu thông tin liên lạc), Công ty đã sử dụng các hóa đơn này để kê khai thuế. Trong số 19 hóa đơn trên, Công ty đã xuất toán, điều chỉnh loại bỏ ra khỏi chi phí đối với 05 số hóa đơn GTGT, còn lại 14 số hóa đơn, Công ty cam kết sẽ điều chỉnh xuất toán;

- Công ty TNHH P4 (MST: 2600304973; Địa chỉ: Cụm C, xã P, Phú Thọ): Sử dụng 01 số hóa đơn GTGT, giá trị là 13.780.000 đồng. Biên bản làm việc với ông Kim Kyoung S - Giám đốc tài chính kế hoạch và bà Vũ Thị T11 - Kế toán trưởng, xác định: Vào tháng 12/2022, ông Lee Tae J (Quốc tịch: Hàn Quốc) - Giám đốc nhà máy của Công ty đi công tác, làm việc tại Hà Nội. Quá trình ở đây ông L4 có sử dụng dịch vụ ăn uống tại một Nhà hàng gần khu vực sân vận động M3 (không xác định - được địa chỉ, tên Nhà hàng C1) và yêu cầu Nhà hàng xuất hóa đơn. Hiện Công ty đã kê khai loại bỏ hóa đơn này khỏi chi phí doanh nghiệp;

- Hộ kinh doanh nhà hàng N3 (MST: 8067737803-001; Địa chỉ: Số E phố H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng): Sử dụng 06 số hóa đơn GTGT, tổng giá trị hóa đơn là 46.887.000 đồng. Tiến hành làm việc với chị Cù Thị V (Chủ hộ kinh doanh) xác định: Quá trình kinh doanh, có nhiều người (không xác định nhân thân) đến Nhà hàng của chị V chào bán hàng hóa, nói có hàng thực phẩm Công ty, có hóa đơn và chị V kiểm tra thấy ngon nên chị V đã mua hàng, thanh toán bằng tiền mặt. Sau đó, người bán gửi hóa đơn điện tử đến tài khoản Zalo của chị V. Chị V đã sử dụng các hóa đơn trên để kê khai thuế tại Chi cục thuế thành phố C;

- Đại học C2 (MST: 1800424257; Địa chỉ: Khu I, Đ. 3 Tháng 2, X, N, Cần Thơ): Tiến hành làm việc với ông Vũ Xuân N (Phó Trưởng phòng Tài chính), là Người đại diện theo ủy quyền xác định: Qua kiểm tra, rà soát sổ sách, Trường Đại học C2 không sử dụng hóa đơn có ký hiệu hóa đơn C22TTA, số hóa đơn 110, ngày lập 28/11/2022 để kê khai thuế;

- **Chi nhánh Tổng Công ty B1 - Công ty cổ phần - Công ty Đ3 (MST: 0102276173-002; Địa chỉ: Ấp A xã K, huyện U, Cà Mau):** Sử dụng 02 hóa đơn GTGT, tổng giá trị là 35.100.000 đồng. Tiến hành làm việc với chị Tô Nguyễn Quỳnh A3 (Chuyên viên phòng kế toán) xác định: Vào ngày 09/11/2022 và 05/12/2022 anh Nguyễn Minh T12 (Trưởng phòng Vật tư) sử dụng dịch vụ ăn uống tại Nhà hàng ở quận N (không nhớ rõ địa chỉ cụ thể). Sau khi ăn uống xong, anh T12 yêu cầu Nhà hàng xuất hoá đơn GTGT và nhận được hóa đơn qua địa chỉ Email;

- **Công ty TNHH P2 (MST: 4900891684; Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, Lạng Sơn):** Sử dụng 01 hóa đơn GTGT, tổng giá trị hóa đơn là 514.250.000 đồng. Tiến hành làm việc với bà Bùi Thị M (Giám đốc Công ty), xác định: Tháng 3/2023, bà M mua mùng của của 01 người đàn ông (không xác định nhân thân), thanh toán bằng tiền mặt. Bà M gửi thông tin Công ty để người bán mùng của làm hợp đồng và xuất hoá đơn. Sau đó, bà M nhận được hợp đồng nguyên tắc kèm theo hóa đơn GTGT;

- **Công ty TNHH S2 (MST: 2300895387; Địa chỉ: Lô S KCN T - H, xã H, huyện T, Bắc Ninh):** Sử dụng 01 hóa đơn GTGT, tổng giá trị hóa đơn là 11.560.000 đồng. Tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị Bích V1 (Kế toán Công ty) là Người đại diện theo ủy quyền của Công ty xác định: Vào tháng 12/2022, ông Jung Y - Giám đốc Công ty đi ăn tại Nhà hàng số D Đ, phường M, quận N, Hà Nội. Sau khi ăn, ông Jung Y yêu cầu Nhà hàng xuất hóa đơn GTGT và đã sử dụng hóa đơn trên để kê khai thuế. Đến tháng 11/2023, sau khi đoàn kiểm tra thuế của Cục T26 kiểm tra tại Công ty, Công ty đã kê khai loại bỏ hóa đơn này khỏi chi phí doanh nghiệp;

- **Công ty TNHH S3 (MST: 2300899568; Địa chỉ: KCN Đại Đồng H, xã Đ, huyện T, Bắc Ninh):** Sử dụng 01 hóa đơn GTGT, tổng giá trị hóa đơn là 7.128.000 đồng. Tiến hành làm việc với chị Trần Thị T13 (Kế toán Công ty) xác định: Khoảng tháng 12/2022, ông Nguyễn Đình T14 (Công nhân phụ trách kỹ thuật) tìm kiếm đơn vị sửa chữa xe nâng thì có 02 nam thanh niên (không xác định nhân thân, lai lịch) đến Công ty để sửa chữa xe

nâng. Sau khi sửa chữa xong, người cung cấp dịch vụ sửa chữa đã mang hóa đơn đến cho Công ty rồi Công ty thanh toán tiền mặt sửa chữa;

- **Tổng Công ty B1 (MST: 0102743068; Địa chỉ: Số A T, phường L, quận H, Hà Nội):** Sử dụng 05 hóa đơn GTGT, tổng giá trị hóa đơn là 91.191.562 đồng. Tiến hành làm việc với anh Phan Văn V2 (Chuyên viên ban kiểm tra, thanh tra) là Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công tB1 xác định: Trong quá trình hoạt động, Công ty do tiếp khách nên đã sử dụng dịch vụ ăn uống tại các Nhà hàng (không xác định địa chỉ), sau đó anh T15 (nhân viên văn phòng) thanh toán bằng tiền mặt. Sau 3-4 ngày, Nhà hàng gửi lại hóa đơn cho anh T15. Anh T15 mang các hóa đơn về đề nghị thanh toán và Công ty sử dụng các hóa đơn này để kê khai thuế. Sau khi biết các hóa đơn không hợp pháp Công ty đã làm thủ tục xuất toán loại khỏi chi phí theo quy định;

- **Chi nhánh Tổng Công ty B1 - Công ty cổ phần - (MST: 0102276173-009; Địa chỉ: T27, 167 T, Y, Cầu G, Hà Nội):** Sử dụng 16 hóa đơn GTGT, tổng giá trị hóa đơn là 215.395.480 đồng. Tiến hành làm việc với anh Vũ Thanh N1 (Kế toán trưởng) là Người đại diện theo ủy quyền xác định: Trong quá trình hoạt động, các nhân viên gồm chị Vũ Thị Thu H7 (Sinh năm: 1991; HKTT: Y, Cầu G, Hà Nội), anh Phạm Ngọc D2 (Sinh năm: 1988; HKTT: N, K, Thái Bình), anh Lê Ngọc H8 (Sinh năm: 1991; HKTT: Q, H, Hà Nội), anh Phạm Tùng S1 (Sinh năm: 1975; HKTT: Cống Vị, B, Hà Nội), anh Lữ Văn T16 (Sinh năm: 1986; HKTT: H, H, Hà Nội), anh Triệu Hùng D3 (Sinh năm: 1977; HKTT: Tân Triều, T, Hà Nội), chị Ngô Lan H9 (Sinh năm: 1983; HKTT: T, T, Hà Nội) sử dụng các dịch vụ cung cấp nước khoáng, thiết bị điện thoại, máy điện thoại, ăn uống, đồ trang trí, thuê trang phục. Sau đó các nhân viên mang hóa đơn về thanh toán cho Công ty. Các nhân viên này không lưu giữ thông tin của đơn vị cung cấp và cam kết có sử dụng - dịch vụ, hàng hóa theo nội dung trên số hóa đơn trên. Sau khi biết các hóa đơn không hợp pháp Công ty đã làm thủ tục xuất toán loại khỏi chi phí theo quy định.

Đối với Lưu Thị Út H6 đã có hành vi mua bán trái phép 04 hóa đơn GTGT không, với giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn là 23.004.000 đồng và Nguyễn Nhật L2 đã có hành vi mua bán trái phép 04 hóa đơn GTGT không, với giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn là 37.786.680 đồng, do số lượng hóa đơn không đã ghi nội dung dưới 10 hóa đơn nên hành vi của H6 và L2 chưa đến mức xử lý về hình sự. Cơ quan điều tra đã có công văn gửi Chi cục thuế huyện Đ, thành phố Hà Nội và Chi cục thuế thành phố Y, tỉnh Yên Bái đề nghị xem xét xử phạt hành chính đối với Lưu Thị Út H6 và Nguyễn Nhật L2.

Đối với các tổ chức, cá nhân và đơn vị mua và sử dụng hóa đơn không đã ghi nội dung nhưng không có hoạt động mua bán hàng hóa thật do Công ty P2 phát hành, quá trình điều tra do không chứng minh được hành vi mua bán hóa đơn không (đối với đơn vị sử dụng trên 10 hóa đơn) hoặc có số lượng dưới 10 hóa đơn nhưng chưa được Cơ quan điều tra thống kê và chuyển Cơ quan thuế có thẩm quyền để xử lý hành chính về thuế nên Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm sẽ có văn bản kiến nghị Cơ quan điều tra chuyển tài liệu đến Cơ quan thuế nơi các đơn vị thực hiện kê khai, quyết toán thuế để yêu cầu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đối với các tổ chức, cá nhân đã có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Đối với Vũ Thị Trà P và nguồn hóa đơn đầu vào của Công ty P2 cũng như hành vi của các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan khác có hành vi mua và sử dụng hóa đơn không do Công ty P2 phát hành. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập, xác minh và có văn bản yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như ủy thác điều tra nhưng do chưa triệu tập được P và do chưa nhận được trả lời, chưa có kết quả ủy thác điều tra nên ngày 28/6/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số: 4042/QĐ-CQĐT(ĐTKT) về việc: Tách hành vi, tài liệu, vật chứng đối với 68 đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng hóa đơn của Công ty TNHH P2 và các tài liệu liên quan thu thập được trong quá

trình điều tra vụ án hình sự theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 430 ngày 12/10/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận N để tiếp tục điều tra xử lý (Có bảng kê chi tiết kèm theo).

Đối với việc chị Triệu Thu T9 đứng tên thành viên góp vốn trên Giấy chứng nhận Công ty T23, chị Vũ Lệ T1 được Nguyễn Thị Kim O thuê làm các thủ tục để thành lập Công ty P2, chị Nguyễn Thị D4 làm thủ tục cấp con dấu cho Công ty P2, quá trình điều tra xác định, chị Thu T9, chị Lệ T1 và chị D4 không liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn của Công ty P2 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 356/2024/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim O phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim O 24 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của Bản án số: 38/2019/HS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xử phạt Bị cáo Nguyễn Thị Kim O 27 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng kể từ ngày tuyên án, nay chuyển thành hình phạt tù. Buộc Bị cáo O phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 51 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Ngoài ra bản án còn xử phạt các bị cáo khác từ 06 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2024 bị cáo Nguyễn Thị Kim O có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim O vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, vai trò của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo, xem xét kháng cáo của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim O và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim O đúng về mặt chủ thể kháng nghị và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, việc xét xử vắng mặt bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử, do vậy căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng Hình sự thì Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim O.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Kim O tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, tang vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Tháng 7/2022, Nguyễn Thị Kim O và Vũ Thị Trà P (hiện chưa triệu tập được) đã thực hiện hành vi thành lập Công ty TNHH P2 với mục đích để bán trái phép hóa đơn không (đã ghi nội dung nhưng không có việc mua bán hàng hóa thật). Trong thời gian từ ngày 05/8/2022 đến 24/02/2023, tại số G ngõ E đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, Công ty P2 đã xuất bán trái phép 388 hóa đơn GTGT không đã ghi nội dung với tổng trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn là 16.683.605.821 đồng, trong đó O đã trực tiếp bán trái phép tổng số 63 hóa đơn GTGT không đã ghi nội dung, trong đó bán cho Nguyễn Tường L 39 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn (bao gồm VAT) là 386.488.402 đồng; 14 hóa đơn GTGT bán cho Hoàng Thị H với tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn (bao gồm VAT) là 210.942.540 đồng; 01 hóa đơn GTGT bán cho Hoàng Thị H với giá trị hóa đơn (bao gồm VAT) là 17.820.000 đồng; 04 hóa đơn GTGT bán cho

Nguyễn Nhật L2 sử dụng cho Công ty TNHH T24 636 với tổng giá trị hóa đơn là 37.786.680 đồng; 04 hóa đơn GTGT bán cho Lưu Thị Út H6 sử dụng cho Công ty cổ phần M1 với tổng giá trị hóa đơn (bao gồm VAT) là 23.004.000 đồng; 01 hóa đơn GTGT bán cho người sử dụng tài khoản Gmail Dinhthuhuong@gmail.com với giá trị hóa đơn (bao gồm VAT) là 17.798.632 đồng và một số tổ chức, cá nhân khác, với tổng trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn là 693.840.254 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị Kim O thu lời bất chính là 12.490.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Kim O đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim O thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án; vai trò, nhân thân của bị cáo; xem xét bị cáo là người chủ mưu tổ chức thực hiện hành vi phạm tội; Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của Bản án cho hưởng án treo, thuộc trường hợp “*Tái phạm*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã nộp một phần số tiền thu lợi bất chính; Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và là lao động chính trong gia đình là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim O mức án 24 tháng tù, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội là phù hợp, mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa tội phạm. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Kim O kháng cáo song không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[5] Bị cáo kháng cáo không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim O và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim O 24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Tổng hợp hình phạt với **27** (*Hai mươi bảy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 38/2019/HS-ST ngày 29/5/2019 của TAND huyện Đan Phượng, TP Hà Nội nay chuyển thành **27** (*Hai mươi bảy*) tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **51** (*Năm mươi mốt*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim O phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Cảnh